

KẾ HOẠCH

Thực hiện Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện năm 2024
(Kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-UBND ngày 03 / 01 /2024 của UBND huyện Mộ Đức)

I. Đánh giá kết quả thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2023

Trong năm 2023, huyện đã tập trung chỉ đạo ngành nông nghiệp phát triển một cách toàn diện. Tổng giá trị sản xuất ngành nông - lâm - Ngư nghiệp (theo giá so sánh 2010) là 1.651 tỷ đồng, đạt 100,5% so với kế hoạch (1.643 triệu đồng) và tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước.

Để phát huy tiềm năng lợi thế huyện đã xác định phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm và phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ là khâu đột phá. Do đó, huyện đã tập trung chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp. Đặc biệt, huyện đã quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, với tổng diện tích là 1.476ha và huyện đã phê duyệt 14/16 vùng sản xuất, với tổng diện tích 454 ha/476 ha. Từng bước hình thành được các vùng sản xuất tập trung theo hướng nông nghiệp sạch, sản xuất hàng hóa, có chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGap và hướng hữu cơ có đầu ra ổn định cho hiệu quả kinh tế cao cụ thể như: Liên kết trồng ngô sinh khối nguyên liệu phục vụ nuôi bò sữa, bò thịt, Liên kết với Công ty sữa Vinasoy Quảng Ngãi trồng đậu nành giống, Liên kết sản xuất lúa giống, lúa giống, đậu phụng ...

Về hoạt động HTX: Thực hiện Đề án củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động HTXNN trên địa bàn huyện, đến nay (30/12/2023) đã hoàn thành 13/13 xã, thị trấn tổ chức Đại hội hợp nhất và củng cố hợp tác xã.

II. Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển các vùng sản xuất năm 2024

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển các vùng sản xuất theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; phát triển sinh vật cảnh trở thành ngành kinh tế sinh thái đa dạng, bền vững; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thuận tự nhiên gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi

khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Tổng giá trị sản xuất ngành nông - lâm - Ngư nghiệp tăng 5,7% so với năm 2023.

- Doanh thu bình quân đất canh tác nông nghiệp 100 triệu đồng/ha/năm.
- Sản lượng lương thực cây có hạt: 79.500 tấn (thóc: 68.900 tấn, ngô 10.600 tấn). Diện tích lúa gieo trồng 10.400 ha, sản lượng 68.900 tấn; trong đó diện tích gieo trồng lúa chất lượng 5.200 - 5.400 ha.
- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30%
- Có 02 sản phẩm đạt chứng nhận hữu cơ, Viet Gap. Tiếp tục thực hiện 03 chuỗi liên kết bền vững và 160 ha lúa theo quy trình sản xuất Viet Gap đã được cấp chứng nhận;
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt trên 55%; trên 80% hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả
- Đàn trâu: 2.400 con, đàn bò: 36.000 con; đàn lợn: 81.000 con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 10.000 tấn; tỷ lệ tiêm phòng gia súc, gia cầm đạt trên 80% tổng đàn.
- Sản lượng thủy sản đánh bắt: 4.000 tấn; diện tích nuôi trồng: 330 ha, sản lượng thủy sản nuôi trồng: 3.600 tấn.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 34%, sản lượng gỗ khai thác 30.000 m³.
- Phân đấu 100% hộ dân cư nông thôn dùng nước hợp vệ sinh, trong đó, tỷ lệ dùng nước sạch là 75% (25% sử dụng nước sạch tập trung).
- Tập trung đầu tư hạ tầng các vùng sản xuất đã được phê duyệt để có sản phẩm nông nghiệp sạch và hữu cơ.

2. Nhiệm vụ

2.1. Xác định 3 nhóm sản phẩm và định hướng phát triển của từng nhóm sản phẩm:

a) Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia

Tập trung đầu tư, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững. Ưu tiên nguồn lực đầu tư để thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng các chuỗi giá trị gắn với hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu. Tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành để đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh, nhóm sản phẩm đặc sản địa phương.

Định hướng phát triển các nhóm sản phẩm chủ lực:

- Lúa gạo: Nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, giữ ổn định từ 5.300 ha đất trồng lúa; sản lượng đạt 68.900 tấn/năm, đáp ứng đủ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất bán ra ngoài huyện. Nâng tỷ lệ diện tích gieo trồng lúa chất lượng

cao trong tổng diện tích gieo trồng lúa lên 100%; tỷ lệ sử dụng giống nguyên chủng, xác nhận trên 90%. Đẩy mạnh phát triển sản xuất gạo VietGAP, hữu cơ và đa dạng các sản phẩm chế biến từ gạo và phụ phẩm của lúa gạo (rơm, rạ, trấu, cám) để tăng giá trị gia tăng.

b) Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh

- Cây ngô: Ổn định diện tích trồng ngô 1.850 ha (trong đó 250 ha ngô sinh khối), tập trung phát triển vùng ngô nguyên liệu cho Trang trại bò sữa Vinamilk Quảng Ngãi, phát triển mạnh các vùng trồng ngô tập trung.

- Rau: Tăng diện tích gieo trồng lên 4.100 ha, sản lượng 66.500 tấn/năm. Đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất rau tập trung, áp dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình sản xuất Viet Gap, hữu cơ, đảm bảo an toàn thực phẩm gắn sơ chế, chế biến.

- Thịt lợn: Phát triển chăn nuôi lợn với các giống cao sản theo hướng trang trại công nghiệp; tăng đàn lợn chăn nuôi theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học; phát triển các giống lợn bản địa có giá trị kinh tế cao. Tổng đàn lợn khoảng 81.000 con. Phát triển hệ thống quản lý đàn chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm gắn với vùng chăn nuôi tập trung.

- Thịt và trứng gia cầm: Phát triển chăn nuôi gia cầm theo phương thức trang trại, công nghiệp. Đầu tư, cải tạo giống chất lượng, phát triển các giống gia cầm lông màu, bản địa; xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ trứng, thịt gà...

- Gỗ, sản phẩm từ gỗ, lâm sản ngoài gỗ: Tập trung phát triển rừng gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ, đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản; sản lượng nguyên liệu gỗ khai thác đạt khoảng 30.000 m³. Phát triển lâm sản công nghệ cao, rừng gỗ lớn gắn với các vùng trồng rừng tập trung theo chứng chỉ FSC. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào các nhóm sản phẩm có thể mạnh như dược liệu, dầu nhựa, thực phẩm.

- Thủy sản: Ổn định sản lượng khai thác hơn 4.000 tấn, sản lượng nuôi trồng 3.600 tấn. Ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học trong nuôi trồng thủy sản

c) Nhóm sản phẩm đặc sản địa phương: Dầu lạc, dầu mè, nấm ăn và dược liệu, các loại cây trồng bản địa...

Tập trung triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất, từng bước tiếp cận thị trường bền vững theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế nhằm phát huy bản sắc, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo và niềm tự hào của người dân, thúc đẩy tổ chức và đảm bảo giá trị của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là phát triển mô hình du lịch cộng đồng ở nông thôn.

Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn hiệu gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng

hóa; tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm để từng bước đẩy mạnh thương hiệu OCOP Việt Nam trên thị trường trong nước và hướng đến thị trường xuất khẩu.

2.2. Cơ cấu lại sản xuất theo từng lĩnh vực:

a) Lĩnh vực trồng trọt

Cơ cấu lại sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất còn khoảng 70%, quản lý và sử dụng hiệu quả đất chuyên trồng lúa, chuyển đổi linh hoạt giữa trồng cây lương thực và cây thực phẩm. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái để đáp ứng nhu cầu của thị trường và phục vụ du lịch. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha đất trồng trọt đạt khoảng 100 triệu đồng.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Chuyển đổi cơ cấu đàn vật nuôi, hướng tới giảm tỷ trọng đàn lợn, tăng tỷ trọng đàn gia cầm và gia súc ăn cỏ. Năm 2024, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 10.000 tấn. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi tuần hoàn ở cả quy mô trang trại và hộ chăn nuôi chuyên nghiệp, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường.

c) Lĩnh vực thủy sản

Phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các vùng biển. Tăng cường khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững trên cơ sở trữ lượng nguồn lợi thủy sản; xây dựng cơ cấu tàu thuyền, nghề nghiệp. Tổ chức quản lý tàu thuyền, hoạt động khai thác hải sản vùng lộng, ven bờ, khơi hợp lý đúng quy định, gắn phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái. Phát triển nuôi cá lồng, bè ở những nơi có điều kiện.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp

Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có. Phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục tăng cường quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên. Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, tập trung nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ; lâm nghiệp đô thị, cảnh quan và các loại hình du lịch bền vững gắn với rừng. Phân đấu diện tích rừng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt khoảng 700 ha. Độ che phủ rừng 34%.

đ) Lĩnh vực sinh vật cảnh:

- Thực hiện việc rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo lợi thế từng địa phương, gắn với rà soát các nguồn lực tại chỗ, gắn với đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và xây dựng nông thôn mới; tập trung những nơi có lợi thế, tiềm năng phát triển sinh vật cảnh như các xã Đức Lân, Đức Chánh, Đức Phú, Đức Thạnh, Thị Trấn Mộ Đức...

- Tận dụng quỹ đất được quy hoạch xây dựng các khu dân cư, đô thị nhưng chưa triển khai đầu tư thực hiện dự án để khai thác, sử dụng phát triển sinh vật cảnh, tạo việc làm và thu nhập cho người dân.

- Tiếp tục tuyên truyền phát triển hội viên, giữ vững và nâng cao chất lượng hoạt động của hội Sinh vật cảnh, tiếp tục nhân rộng các mô hình câu lạc bộ chim cảnh, đá cảnh, bonsai, đồng thời tiếp tục xây dựng và phát triển mạnh mẽ phong trào trồng và mua bán các loại cây cảnh tiến tới thành lập Câu lạc bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của nhiều hội viên trong huyện. Góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn.

2.3. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo vùng

Đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững giữa các địa phương nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương, cụ thể:

a) Vùng kinh tế phía Tây

Phát triển các vùng sản xuất cây trồng chủ lực có lợi thế như cây ăn quả, lúa VietGAP, ngô sinh khối. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, trong đó chú trọng chăn nuôi gia súc ăn cỏ (trâu, bò, dê) gắn với các vùng trồng cỏ, lợn và gia cầm; phục tráng giống và phát triển các vật nuôi đặc sản, bản địa có giá trị kinh tế cao. Bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để duy trì nguồn nước, bảo vệ đất, đặc biệt ở những khu vực có nguy cơ xói mòn cao. Phát triển rừng trồng sản xuất, cây lâm sản ngoài gỗ với quy mô lớn gắn với phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản. Phát triển nuôi các loài thủy sản nước ngọt ở các hồ chứa, cá truyền thống gắn với bảo tồn và phát triển nguồn lợi quý hiếm. Phát triển chăn nuôi bò sữa có liên kết với trang trại Vinamilk Quảng Ngãi.

b) Vùng đồng bằng dọc Quốc lộ 1 (vùng kinh tế động lực)

Phát triển sản xuất thâm canh, công nghệ cao; mở rộng diện tích lúa chất lượng cao, lúa VietGAP; phát triển rau, hoa, cây cảnh; rà soát, chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng, chăn các loại vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn. Phát triển chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, tập trung vào đối tượng nuôi chủ lực là lợn, gia cầm, bò. Đẩy mạnh trồng cây phân tán, cải tạo cảnh quan môi trường và đáp ứng một phần nhu cầu gỗ gia dụng.

c) Vùng kinh tế phía Đông

Phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung ở vùng ven biển với các đối tượng là tôm, ốc hương, hải sâm...; nuôi các loài thủy sản nước ngọt (cá rô phi, cá truyền thống, cua đồng...). Đổi mới cơ cấu nghề khai thác hải sản, phát triển hiệu quả các nghề khai thác.

Phát triển các loại cây trồng chịu hạn và các cây ăn quả. Phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ (bò thịt, dê), lợn và gà lông màu ở địa bàn phù hợp, theo tiềm năng và lợi thế của vùng; phát triển nuôi yến tại một số địa phương có lợi thế nhằm tạo ra sản phẩm đặc sản, có giá trị kinh tế cao. Bảo vệ và phát triển hệ thống rừng phòng hộ ven biển; phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch

văn hóa, lịch sử. Chuyển đổi cơ cấu tàu thuyền, nghề, lao động phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn lợi hải sản.

3. Giải pháp

3.1. Nâng cao trình độ nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ thông tin trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của ngành. Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường. Phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

3.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất, năng lực và vai trò của các tổ chức hợp tác của nông dân trong việc tổ chức sản xuất theo chuỗi từ cung cấp dịch vụ đầu vào, bảo quản, chế biến nông sản và tiếp cận thị trường. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, kết nối với chuỗi cung ứng. Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò là “trụ cột”, nòng cốt, dẫn dắt; đưa khoa học công nghệ, trình độ quản trị và kinh tế số vào chuỗi giá trị.

3.3. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và hạ tầng thương mại ở nông thôn ngày càng hiện đại, đảm bảo tăng cường liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất nông nghiệp bền vững, hiện đại với quy mô sản xuất hàng hóa lớn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo chủ động cấp nước cho diện tích trồng lúa 2 vụ, diện tích các cây trồng cạn có hiệu quả kinh tế cao, nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi lớn, đa mục tiêu; tăng cường đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ vùng khó khăn về nguồn nước, các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Tập trung đầu tư phát triển khu neo đậu tàu thuyền nghề cá để tăng hiệu quả đầu tư, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, hiện đại, đảm bảo đủ khả năng chống chịu trước thiên tai và giảm thiểu thiệt hại về người và sản xuất do thiên tai gây ra; trong đó, ưu tiên củng cố, nâng cấp hệ thống kè sông, kè cửa lờ Đức Lợi, phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Xây dựng và triển khai chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thương mại ở khu vực nông thôn.

3.4. Thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghệ hỗ trợ và dịch vụ logistic.

Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ ở tất cả các khâu sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, phù hợp với điều kiện từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi. Phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp,

công nghiệp hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp.

Phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, theo nhu cầu và khả năng tiêu thụ của thị trường. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao thân thiện với môi trường và hệ thống quản lý chất lượng hiện đại trong bảo quản, chế biến nông sản. Đa dạng hóa sản phẩm chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao; tăng chế biến từ các phụ phẩm của sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị gia tăng; đảm bảo kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường tiêu thụ, bảo vệ môi trường.

3.5. Triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Phát triển các vùng trồng trọt và chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, nhất là ở các vùng sản xuất hàng hóa trọng điểm, vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến. Tăng cường hệ thống kiểm soát dịch hại, dịch bệnh giữa các vùng miền, địa phương. Khuyến khích cách tiếp cận đa ngành trong phòng trừ, kiểm soát dịch bệnh.

3.6. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của ngành, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp; Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngành nông nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

3.7. Tổ chức lại thị trường trong nước phù hợp với xu thế phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất. Phát triển hệ thống bán lẻ; đẩy nhanh hoàn thành xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực quốc gia, chủ lực cấp tỉnh và đặc sản địa phương gắn với chỉ dẫn địa lý, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường. Phát triển mạnh thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

3.8. Bảo vệ tài nguyên, môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường nông thôn. Xây dựng và triển khai chính sách xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, nhất là ở các làng nghề; đầu tư các khu xử lý rác thải tập trung quy mô liên xã đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải, chất thải rắn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp sử dụng tiết kiệm nước và vật tư nông nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính; phối hợp quản lý tốt nguồn nước các lưu vực sông và hệ thống thủy lợi bảo đảm quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài.

3.9. Tích cực xúc tiến kêu gọi đầu tư, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Phát triển HTX kiểu mới, làm cầu nối giữa người dân, nhà nước và doanh nghiệp.

III. Về nguồn vốn thực hiện

- Từ nguồn hỗ trợ phát triển sản xuất từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong năm 2024.

- Từ nguồn hỗ trợ của Chương trình khuyến nông của tỉnh, huyện trong năm 2024 sẽ đầu tư các mô hình sản xuất tại các vùng sản xuất đã được hình thành.

- Lồng ghép các nguồn vốn khác (nếu có)

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

- Chủ trì, phối hợp với các ngành và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung Kế hoạch này;

- Tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện năm 2024.

- Chủ trì phối hợp với các ngành và địa phương lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất từ các chương trình mục tiêu quốc gia vào việc thực hiện triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện.

2. Phòng TC-KH huyện

Cân đối, ưu tiên tham mưu bố trí kinh phí cho hoạt động thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Phòng KT&HT huyện

Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và địa phương triển khai thực hiện chính sách thương mại hàng nông, lâm, thủy sản; Tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách và hoạt động thúc đẩy tiêu thụ nông sản trong nước; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử.

Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai hiệu quả các Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), Sản phẩm quốc gia, phát triển khoa học công nghệ cao; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, bảo vệ và khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

4. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện

Chủ động, phối hợp với các ngành có liên quan và địa phương để xây dựng phương án tổ chức sản xuất từ các nguồn vốn hỗ trợ từ chương trình khuyến nông phù hợp với đặc điểm và thế mạnh tại địa phương; ưu tiên phát

triển các sản phẩm chủ lực địa gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, thân thiện với môi trường.

Phối hợp với địa phương tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, hướng dẫn áp dụng các tiên bộ kỹ thuật sản xuất nông sản sạch, an toàn theo quy trình VietGAP, hữu cơ. Phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách địa bàn ở các xã, thị trấn để hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân.

5. Đội Quản lý thị trường số 2: Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại các mặt hàng nông, lâm, thủy sản.

6. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và UBND các xã, thị trấn hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp hoàn thành thủ tục về đất đai theo quy định pháp luật.

7. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện

Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp và phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

8. Ngân hàng NN&PTNT, CSXH huyện

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn và tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng để các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản.

9. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội đoàn thể huyện

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện trong thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân trong công cuộc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

10. UBND các xã, thị trấn

- Xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương để quyết tâm đạt được các mục tiêu mà Kế hoạch của huyện đã đề ra.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách Trung ương, của tỉnh đã ban hành. Theo dõi, phát hiện, đánh giá, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả trên địa bàn; đề xuất hỗ trợ nhân rộng đối với các mô hình có hiệu quả.

- Xây dựng các Kế hoạch, dự án về phát triển nông nghiệp phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của từng địa phương; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường. Triển khai các giải pháp tăng cường liên kết vùng, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất - bảo

quản, chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, kết nối với cơ sở chế biến nông sản, kênh phân phối, tiêu thụ nông sản và tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nông dân.

- Rà soát lại công tác quy hoạch, tạo quỹ đất để phục vụ phát triển nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Phát huy nội lực, có cách làm sáng tạo và chủ động cùng doanh nghiệp và nông dân tham gia công tác dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp.

11. Các HTXNN trên địa bàn huyện

- Tích cực phối hợp với UBND các xã, thị trấn, các ngành chuyên môn và Hội đoàn thể các cấp trong tổ chức thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn huyện.

- Chủ động mở rộng sản xuất kinh doanh dịch vụ phù hợp với yêu cầu của thị trường, nhằm hỗ trợ cho xã viên để liên kết sản xuất, liên kết với doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm.

12. Về chế độ báo cáo

Định kỳ vào ngày 25 tháng 11 hàng năm, các ngành có liên quan, UBND xã, thị trấn tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch của đơn vị, địa phương mình được phân công, báo cáo UBND huyện (*qua phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn chủ động phản ánh về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất, tham mưu UBND huyện giải quyết kịp thời./.